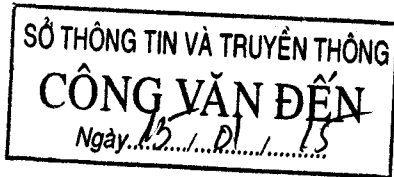


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 325 /UBND-TTTH
V/v triển khai thông tư
số 25/2014/TT-BTTTT của Bộ
Thông tin và Truyền thông

Đồng Nai, ngày 04 tháng 1 năm 2015



Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Ngày 30/12/2014, Bộ Thông tin và truyền thông có thông tư số 25/2014/TT-BTTTT Quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương (*bản sao gửi đính kèm*). Về việc này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức và triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đơn vị báo cáo về UBND tỉnh để được chỉ đạo xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Các Phó Văn phòng UBND tỉnh (A Đức);
- Lưu: VT (TTTH, CNN)

đinh

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Minh Đức

Số: 25/2014/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỀ Số: 216A
Ngày: 12/12/15

Chuyển:

THÔNG TƯ

Quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học hóa,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định việc triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương quản lý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Thông tư này, *hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương* là hệ thống bao gồm tập hợp thiết bị phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin từ các cơ quan, tổ chức ở Trung ương đến các cơ quan, tổ chức ở địa phương trong cùng một lĩnh vực (sau đây gọi tắt là hệ thống thông tin).

Điều 3. Nguyên tắc triển khai

1. Công khai chủ trương, kế hoạch triển khai; nội dung, quy mô, nguồn vốn đầu tư và cơ quan phối hợp triển khai các hệ thống thông tin.
2. Phối hợp đồng bộ các nội dung về đầu tư, quy mô và thời gian triển khai giữa các hệ thống thông tin, tránh đầu tư trùng lặp.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn trong quá trình chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TRIỂN KHAI CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng đầu tư

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng hệ thống thông tin tổ chức khảo sát hiện trạng các hệ thống thông tin trong cùng lĩnh vực tại các địa phương phục vụ công tác lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành.
2. Nội dung khối lượng công tác khảo sát thực tế trong Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện được hiện trạng đầu tư các hệ thống thông tin trong cùng lĩnh vực tại các địa phương và đề xuất các hệ thống thông tin sẽ được kết nối với hệ thống thông tin sẽ triển khai.

Điều 5. Lập dự án

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập dự án khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
2. Nội dung dự án khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Trong nội dung phương án kỹ thuật và công nghệ, kết nối ra bên ngoài của thiết kế sơ bộ có đề xuất giải pháp kỹ thuật kết nối với các hệ thống thông tin đã đề xuất tại khoản 2 Điều 4.

Điều 6. Thẩm định dự án

1. Khi thẩm định thiết kế sơ bộ, các cơ quan, đơn vị thẩm định giải pháp kỹ thuật đã đề xuất tại khoản 2 Điều 5 và tuân thủ các quy định hiện hành về thẩm định thiết kế sơ bộ.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm thẩm định thiết kế sơ bộ hoặc cho ý kiến về giải pháp kỹ thuật kết nối các hệ thống thông tin của dự án đã đề xuất tại khoản 2 Điều 5.

Điều 7. Xây dựng quy định kỹ thuật về dữ liệu

1. Khung quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống thông tin được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày hệ thống thông tin được nghiệm thu, đưa vào khai thác sử dụng, các cơ quan, tổ chức ở Trung ương quản lý các hệ thống thông tin có trách nhiệm ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống thông tin theo Khung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các hệ thống thông tin đã triển khai, đưa vào sử dụng trước thời điểm ban hành Thông tư này, trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ quan, tổ chức ở Trung ương quản lý các hệ thống thông tin có trách nhiệm ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống thông tin theo Khung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Khi kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phải áp dụng các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

2. Khi hệ thống thông tin đã triển khai xong và đưa vào khai thác, sử dụng, cơ quan quản lý hệ thống thông tin có trách nhiệm ban hành Quy chế về chia sẻ thông tin số theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Dữ liệu thuộc bí mật nhà nước khi thực hiện chia sẻ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Sự phù hợp giữa hệ thống thông tin của địa phương với hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương

1. Đối với Kế hoạch 5 năm về ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thẩm định và cho ý kiến về sự phù hợp định hướng triển khai các hệ thống thông tin do địa phương đề xuất với định hướng triển khai các hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

2. Đối với các quy hoạch, kế hoạch hàng năm, chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm cho ý kiến về sự phù hợp giữa định hướng triển khai các hệ thống thông tin do địa phương đề xuất với định hướng triển khai các hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

Điều 10. Công khai thông tin

Các cơ quan, tổ chức ở Trung ương có trách nhiệm công bố trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan mình và gửi tới Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp các văn bản sau:

1. Kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư các hệ thống thông tin không thuộc kế hoạch 5 năm, hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin đã được duyệt.
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư các hệ thống thông tin sau khi được thẩm định theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
3. Kế hoạch triển khai các hệ thống thông tin.
4. Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các hệ thống thông tin theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Trách nhiệm của Cục Tin học hóa

- a) Phổ biến, hướng dẫn thực hiện các nội dung của Thông tư này;
- b) Làm đầu mối thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 9 Thông tư này;
- c) Tổng hợp thông tin về các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông, Trang thông tin điện tử của Cục Tin học hóa;
- d) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ

Tổng hợp, cập nhật, công khai các Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các hệ thống thông tin đã ban hành trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2015.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Tin học hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin

và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, hướng dẫn./.

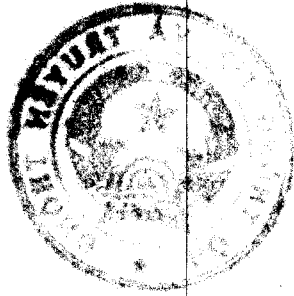
Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban quốc gia về ứng dụng CNTT;
- Ban Chỉ đạo CNTT của cơ quan Đảng;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Đơn vị chuyên trách về CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TT&TT:
 - + Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
 - + Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
 - + Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, THH (KH).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Bắc Sơn



Phụ lục

KHUNG QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương)

Khung này dùng để các Bộ, ngành tham khảo khi xây dựng, ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các hệ thống thông tin.

Nội dung bao gồm:

Tên: QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU [tên hệ thống thông tin]

Phần 1. Quy định chung

- Phạm vi áp dụng
- Đối tượng áp dụng
- Giải thích từ ngữ

Phần 2. Quy định kỹ thuật về dữ liệu

Nội dung này quy định cụ thể về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của dữ liệu. Nội dung dữ liệu của hệ thống thông tin sẽ triển khai cần được mô tả đầy đủ và xem xét phân nhóm, quy định cụ thể về kỹ thuật của các nhóm, thành phần dữ liệu để công tác tổ chức, quản lý dữ liệu được hiệu quả.

Cụ thể bao gồm các nội dung chính sau:

I. Nội dung dữ liệu

Nội dung này quy định các thành phần dữ liệu hoặc nhóm dữ liệu cụ thể trong toàn bộ các thành phần dữ liệu của hệ thống thông tin để thuận tiện trong quản lý. Các thành phần dữ liệu có chung đặc tính được tạo thành một Nhóm dữ liệu. Mỗi Nhóm dữ liệu có thể phân thành các cấp theo các mức độ chi tiết khác nhau của dữ liệu.

Ví dụ về phân Nhóm dữ liệu:

Tên nhóm	Các thành phần nhóm dữ liệu cấp 1	Các thành phần nhóm dữ liệu cấp 2	
Nhóm dữ liệu về Người	Họ và tên	Họ đệm	
		Tên	
	Ngày sinh		
	Quê quán		
	Chứng minh nhân dân		
		Số CMTND	
		Ngày cấp	
		Nơi cấp	

		Địa chỉ	
			Số nhà, ngõ, xóm
			Đường/phố
			Xã/phường
			Quận/huyện
			Tỉnh/thành phố

Thông tin mô tả Nhóm dữ liệu cần phải quy định được các thông tin tối thiểu sau:

- Tên nhóm dữ liệu: Tên Nhóm dữ liệu được diễn đạt bằng ngôn ngữ.
- Cấp độ nhóm dữ liệu: Mỗi nhóm dữ liệu được phân thành các cấp theo các mức độ chi tiết khác nhau của dữ liệu (cao nhất cấp độ 1, tiếp theo cấp độ 2, 3...)
- Mã thông tin: Được xác định đối với mỗi Nhóm dữ liệu, là một bộ gồm các thành phần được đặt liên tiếp nhau có dấu chấm (.) ngăn cách. Ví dụ: Mã thông tin đặt theo nguyên tắc KýHiệuNhóm.Cấp.SốThứTự. Khi đó Nhóm dữ liệu về Người có thể đặt mã là NG1.1, trong đó thành phần thứ nhất "NG" là từ viết tắt của Nhóm dữ liệu, thành phần thứ hai là cấp của Nhóm dữ liệu, thành phần thứ ba là số thứ tự của Mã thông tin trong cùng cấp.
- Đối tượng thông tin: Là tên đối tượng được mô tả, ví dụ: cá nhân, tổ chức, tài sản, tài liệu,...
- Các thành phần dữ liệu của nhóm (được quy định trong mục II).
- Đặc tính: Đặc điểm chung cho tất cả các thành phần dữ liệu của nhóm.

II. Quy định kỹ thuật các thành phần dữ liệu

Thành phần dữ liệu là đơn vị dữ liệu nhỏ nhất của đối tượng thông tin trong Nhóm dữ liệu. Trong nội dung này, các thành phần dữ liệu phải được quy định cụ thể, chi tiết về đặc tính kỹ thuật, bao gồm các đặc tính cơ bản sau:

- Tên trường (thành phần) dữ liệu: Tên trường dữ liệu được diễn đạt bằng ngôn ngữ.
- Ký hiệu trường dữ liệu
- Kiểu dữ liệu: Là tập các giá trị được đặc trưng bởi đặc tính dữ liệu và các thao tác trên các giá trị đó.
- Miền giá trị: Là tập các giá trị hợp lệ cho một hoặc nhiều thành phần dữ liệu, được sử dụng để kiểm tra sự hợp lệ của dữ liệu. Miền giá trị có thể là các giá trị liệt kê hoặc mô tả.
- Độ dài dữ liệu (đối với trường dữ liệu kiểu chuỗi ký tự).
- Mô tả: Mô tả ý nghĩa trường dữ liệu.

Ví dụ:

Tên nhóm dữ liệu: Nhóm dữ liệu về Người							
Cấp độ: Cấp 1							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
NG.1.1	Cá nhân						
		Loại cá nhân	Loaicanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã thông tin phân loại cá nhân
		Họ và tên	Chi tiết tại mã thông tin NG.2.1				Là họ và tên đầy đủ của cá nhân.
		Ngày tháng năm sinh	Ngaysinh	Ngày tháng	Date/Integer		Là ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.
		Giới tính	Gioitinh	Lô gíc	Boolean		Thể hiện giới tính của cá nhân
		Chứng minh nhân dân	Chi tiết tại mã thông tin NG.2.2				Là thông tin về chứng minh nhân dân của cá nhân là người Việt Nam trong nước.
		...					
NG.1.2	Hộ gia đình						
		Chủ hộ	Chi tiết tại mã thông tin NG.1.1				Là cá nhân có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một cá nhân là chủ hộ.

		Vợ/chồng	Chi tiết tại mã thông tin NG.1.1				Là cá nhân có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ.
		Thành viên	Chi tiết tại mã thông tin NG.1.1				Là thành viên còn lại (con cái, cha mẹ,...) của đối tượng hộ gia đình.
						
Cấp độ: Cấp 2							
NG.2.1	Họ tên						Là họ và tên đầy đủ của cá nhân ghi trong giấy chứng minh nhân dân.
		Họ đệm	Họ đệm	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là họ và tên đệm của cá nhân ghi trong giấy chứng minh nhân dân.
		Tên	Tên	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của cá nhân ghi trong giấy chứng minh nhân dân.
NG.2.2	Chứng minh nhân dân						
		Số CMTND	SoCMTND	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số chứng minh thư nhân dân.
		Ngày cấp	Ngaycap	Ngày tháng	Date		Là ngày cấp giấy chứng minh thư nhân dân.
		Nơi cấp	Noicap	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan cấp giấy chứng minh thư nhân dân.

III. Dữ liệu đặc tả – Dữ liệu để định nghĩa và mô tả dữ liệu khác

- Dữ liệu đặc tả được lập trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin và được cập nhật khi có sự thay đổi về nội dung dữ liệu (cơ sở dữ liệu)

- Nội dung dữ liệu đặc tả có thể bao gồm các nhóm thông tin mô tả:

+ Dữ liệu đặc tả của dữ liệu bao gồm các thông tin khái quát như đơn vị tạo lập, ngày tạo lập dữ liệu đặc tả.

+ Dữ liệu đặc tả chi tiết về dữ liệu.

+ Chất lượng dữ liệu bao gồm các thông tin về nguồn gốc dữ liệu, phạm vi, kết quả kiểm tra chất lượng dữ liệu,...

+ Cách thức trao đổi, chia sẻ dữ liệu bao gồm các thông tin về phương thức, phương tiện, định dạng trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

- Quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu dữ liệu của dữ liệu đặc tả.

Phần 3. Các Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các ngành khác

Nội dung này cập nhật các Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các hệ thống thông tin liên quan khác đã ban hành và phải nêu rõ chỉ dẫn, căn cứ.

Phần 4. Tổ chức thực hiện

Quy định về trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan.

Phần 5. Phụ lục (nếu có)

